

SỞ Y TẾ TP.HCM  
**BỆNH VIỆN MẮT**

Số: 671/BVM-VTTBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 07 tháng 06 năm 2024

**YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ  
VẬT TƯ SỬA CHỮA, THAY THỂ LINH PHỤ KIỆN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2024  
CỦA BỆNH VIỆN MẮT**

*Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm VTSC, thay thế linh phụ kiện TTBYT năm 2024 của Bệnh viện Mắt*

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua sắm VTSC, thay thế linh phụ kiện TTBYT năm 2024 của Bệnh viện Mắt với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá**

1. Đơn vị yêu cầu mời chào giá:

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận mời chào giá:

Họ tên : Nguyễn Tuấn Anh

Chức vụ : Trưởng phòng Vật tư, thiết bị y tế

Số điện thoại : (028).3932.5364 - 1224

Địa chỉ email : vttbyt@bvmat.vn

3. Cách thức tiếp nhận tài liệu mời chào giá tính năng kỹ thuật: Nhận trực tiếp tại địa chỉ:  
Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM

**(BỆNH VIỆN CHỈ TIẾP NHẬN HỒ SƠ CỦA CÁC CÔNG TY THEO**

**ĐƯỜNG VẮN THƯ BỆNH VIỆN)**

Đồng thời gửi file theo hướng dẫn ở cuối văn bản (Mục II.2 các yêu cầu khác)

4. Thời hạn tiếp nhận mời chào giá: Từ 08h ngày 10 tháng 06 năm 2024 đến trước 16h30 ngày 21 tháng 06 năm 2024. Các tài liệu nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của tính năng kỹ thuật: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 24 tháng 06 năm 2024.

**II. Danh mục yêu cầu mời chào giá:**

1. Danh mục vật tư sửa chữa, thay thế linh phụ kiện cần mời chào giá:





| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                                  | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                                                                                                            |
|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | VTSC001 | Bóng đèn 2.5V, Mã X-001.88.069, sử dụng cho đèn soi đáy mắt cầm tay        | Cái         | 23       | - Ánh sáng Xenon Halogen 2.5V<br>- Bóng đèn có tuổi thọ cao hơn 50% so với bóng đèn thông thường.<br>- Thích hợp với đèn soi đáy mắt trực tiếp của HEINE |
| 2   | VTSC002 | Bóng đèn 6V, Mã X-04.88.068, sử dụng cho đèn soi đáy mắt hình đảo đội đầu  | Cái         | 15       | - Ánh sáng Xenon Halogen 6V<br>- Bóng đèn có tuổi thọ cao hơn 50% so với bóng đèn thông thường.<br>- Thích hợp với đèn soi đáy mắt gián tiếp của HEINE   |
| 3   | VTSC003 | Bóng đèn 2.5V, Mã X-001.88.035 sử dụng cho đèn đặt nội khí quản            | Cái         | 8        | - Ánh sáng Xenon Halogen 2.5V<br>- Bóng đèn có tuổi thọ cao hơn 50% so với bóng đèn thông thường.<br>- Thích hợp với đèn đặt nội khí quản của HEINE      |
| 4   | VTSC004 | Bóng đèn 6V, Mã X-004.88.111, sử dụng cho đèn soi đáy mắt hình đảo đội đầu | Cái         | 15       | - Ánh sáng Xenon Halogen 6V<br>- Bóng đèn có tuổi thọ cao hơn 50% so với bóng đèn thông thường.<br>- Thích hợp với đèn soi đáy mắt gián tiếp của HEINE   |
| 5   | VTSC005 | Bộ nguồn phát Laser quang đồng đa điểm                                     | Bộ          | 1        | Tương thích với Máy Laser quang đồng đa điểm (Model: Visulas 532S VITE)                                                                                  |
| 6   | VTSC006 | Dây quang dẫn truyền năng lượng Laser                                      | Cái         | 1        | Tương thích với Máy Laser quang đồng đa điểm (Model: Visulas 532S VITE)                                                                                  |
| 7   | VTSC007 | Đèn chiếu cho máy đo thị trường                                            | Cái         | 9        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 8   | VTSC008 | Vỏ chắn bụi SC HFA3                                                        | Cái         | 6        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 9   | VTSC009 | Lọc xanh dương cho cảm biến ánh sáng                                       | Cái         | 6        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 10  | VTSC010 | Lọc xanh lá cho cảm biến ánh sáng                                          | Cái         | 6        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 11  | VTSC011 | Bộ lọc phim HFA2/HFA3                                                      | Cái         | 6        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 12  | VTSC012 | Nút bấm tương tác cho bệnh nhân                                            | Cái         | 6        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 13  | VTSC013 | Bo mạch điều khiển cơ sở Santa Cruz                                        | Cái         | 2        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 14  | VTSC014 | Bo mạch điều khiển trung tâm Santa Cruz                                    | Cái         | 2        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 15  | VTSC015 | Bộ nguồn ATX+12 350W SC MINI-ITX                                           | Cái         | 2        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 16  | VTSC016 | Cụm máy tính MINI-ITX                                                      | Cái         | 2        | Tương thích với MÁY ĐO THỊ TRƯỜNG HFA3                                                                                                                   |
| 17  | VTSC017 | Mạch cảm biến nhận dây dẫn tia sáng Lock IR                                | Cái         | 3        | Tương thích với Máy Laser 532s LSL Carl Zeiss                                                                                                            |
| 18  | VTSC018 | Đèn Halogen 12V/30W/PG22(+)                                                | Cái         | 3        | Tương thích với Máy Laser 532s LSL Carl Zeiss                                                                                                            |
| 19  | VTSC019 | Dây dẫn tia sáng 2m Light guide 2.0m                                       | Cái         | 3        | Tương thích với Máy Laser 532s LSL Carl Zeiss                                                                                                            |
| 20  | VTSC020 | Bộ lọc an toàn cho bác sĩ (đỏ)                                             | Cái         | 3        | Tương thích với Máy Laser 532s LSL Carl Zeiss                                                                                                            |
| 21  | VTSC021 | Bo mạch điều khiển đèn khe                                                 | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser 532s LSL Carl Zeiss                                                                                                            |
| 22  | VTSC022 | Cụm cấp nguồn điện 24Vdc 16,7A 400W                                        | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser 532s LSL Carl Zeiss                                                                                                            |
| 23  | VTSC023 | Công tắc dạng chìa khóa (25x25) lon plug                                   | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser 532s LSL Carl Zeiss                                                                                                            |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                             | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                        |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------------|-------------|----------|------------------------------------------------------|
| 24  | VTSC024 | Công tắc điều khiển dạng bàn đạp chân                                 | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser 532s LSL Carl Zeiss        |
| 25  | VTSC025 | Bộ linh kiện và dây cáp cho bàn đạp kính hiển vi PT                   | Bộ          | 9        | Tương thích với Kính hiển vi phẫu thuật Lumera i     |
| 26  | VTSC026 | Bánh xe chịu lực tương thích chân đế kính hiển vi phẫu thuật Zeiss S7 | Cái         | 36       | Tương thích với Kính hiển vi phẫu thuật chân đế S7   |
| 27  | VTSC027 | Mạch cấp điện áp 15V /24V cho kính hiển vi phẫu thuật                 | Cái         | 9        | Tương thích với Kính hiển vi phẫu thuật Lumera i     |
| 28  | VTSC028 | PCB Control panel S7 Mạch điều khiển cho chân đế S7                   | Cái         | 9        | Tương thích với Kính hiển vi phẫu thuật Visu 140     |
| 29  | VTSC029 | Bộ mạch công suất ngõ ra (Chân đế S7)                                 | Cái         | 9        | Tương thích với Kính hiển vi phẫu thuật chân đế S7   |
| 30  | VTSC030 | Bộ mạch điều khiển chính của kính hiển vi phẫu thuật                  | Cái         | 9        | Tương thích với Sinh hiển vi phẫu thuật Lumera i     |
| 31  | VTSC031 | Màn hình (phiên bản thay đổi) bao gồm mạch Basicboard                 | Cái         | 9        | Tương thích với Kính hiển vi phẫu thuật Lumera i     |
| 32  | VTSC032 | Board FCB Interface Pedal                                             | Cái         | 9        | Tương thích với Kính hiển vi phẫu thuật Visu 140     |
| 33  | VTSC033 | Bộ bơm hút chân không (cho Treatment Pack và Mắt)                     | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 34  | VTSC034 | Bộ phận tạo tia laser FCPA "Silver+"                                  | Bộ          | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 35  | VTSC035 | Bộ điều biến xung ánh sáng với dây kết nối                            | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 36  | VTSC036 | SC AOM Bộ điều biến quang                                             | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 37  | VTSC037 | Đèn Led cho cụm OPMI Pico                                             | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 38  | VTSC038 | Bộ điều khiển dương quét trục Z                                       | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 39  | VTSC039 | Cần điều khiển giường bệnh nhân PSS                                   | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 40  | VTSC040 | Van điện từ cho lọc và cửa sập                                        | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 41  | VTSC041 | Cảm biến năng lượng laser 500 kHz                                     | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 42  | VTSC042 | Cảm biến cường độ laser 500 kHz                                       | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 43  | VTSC043 | Bộ dây kết nối cho cảm biến E//C                                      | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 44  | VTSC044 | Giường quét X hoặc Y kèm bộ điều khiển                                | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 45  | VTSC045 | Động cơ nâng trục Z cho PSS                                           | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 46  | VTSC046 | Trục nâng Z cho PSS                                                   | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 47  | VTSC047 | Bộ phận cấp điện 12V 150W                                             | Bộ          | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |
| 48  | VTSC048 | Bộ lọc hồng ngoại có giá đỡ                                           | cái         | 1        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                         |
|-----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------------------------------------------------|
| 49  | VTSC049 | Bàn phím VisuMax                                                                                                         | cái         | 1        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax  |
| 50  | VTSC050 | Bộ chiếu sáng khi mổ - IR2 LED                                                                                           | cái         | 1        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax  |
| 51  | VTSC051 | Bộ bảo dưỡng Visumax 4 năm                                                                                               | cái         | 1        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax  |
| 52  | VTSC052 | Đèn hồng ngoại                                                                                                           | cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax  |
| 53  | VTSC053 | Đèn điều trị                                                                                                             | cái         | 2        | Tương thích với Máy Femtosecond laser system VisuMax  |
| 54  | VTSC054 | Gương phản xạ số 1                                                                                                       | Cái         | 5        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 55  | VTSC055 | Gương phản xạ số 2                                                                                                       | Cái         | 5        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 56  | VTSC056 | Gương phản xạ số 3                                                                                                       | Cái         | 5        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 57  | VTSC057 | BeamShaper Gương định hình tia                                                                                           | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 58  | VTSC058 | Gương số 1 (với khung đỡ)                                                                                                | Cái         | 5        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 59  | VTSC059 | Gương số 2 (với khung đỡ)                                                                                                | Cái         | 5        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 60  | VTSC060 | Bộ quét DynAxis M 18 mm (quét trục X/Y)                                                                                  | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 61  | VTSC061 | Đầu phát Laser Coh. (RoHS)                                                                                               | Cái         | 3        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 62  | VTSC062 | MV-ArF Van từ điện (đóng mở khí ArF)                                                                                     | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 63  | VTSC063 | Cần điều khiển LSC 80                                                                                                    | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 64  | VTSC064 | Gương chia sáng, DMR=30 mm 193 mm                                                                                        | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 65  | VTSC065 | Nguồn cấp điện chính                                                                                                     | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 66  | VTSC066 | Cụm Laser diode bước sóng 650nm                                                                                          | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 67  | VTSC067 | Bo mạch điều khiển đèn LAI                                                                                               | Cái         | 2        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 68  | VTSC068 | Bộ hút thổi CCA-Y CS                                                                                                     | Cái         | 1        | Tương thích với Máy Laser Excimer Mel 90              |
| 69  | VTSC069 | Cần điều khiển cho máy đo công suất thủy tinh thể                                                                        | Cái         | 5        | Tương thích với Máy IOL Master 500 (đo công suất TTT) |
| 70  | VTSC070 | Ổ cứng SSD 2,5", 64 Gb Sata III + tích hợp phần mềm chuyên dụng của máy đo (thay thế cho máy đo công suất thủy tinh thể) | Cái         | 5        | Tương thích với Máy IOL Master 500 (đo công suất TTT) |
| 71  | VTSC071 | Mạch cấp điện 90W, 12VDC/7,5A                                                                                            | Cái         | 5        | Tương thích với Máy IOL Master 500 (đo công suất TTT) |
| 72  | VTSC072 | Bo xử lý số IOL                                                                                                          | Cái         | 4        | Tương thích với Máy IOL Master 500 (đo công suất TTT) |
| 73  | VTSC073 | Thẻ giao tiếp Medcom                                                                                                     | Cái         | 4        | Tương thích với Máy IOL Master 500 (đo công suất TTT) |
| 74  | VTSC074 | Cáp kết nối HEAD X601                                                                                                    | Cái         | 4        | Tương thích với Máy IOL Master 500 (đo công suất TTT) |
| 75  | VTSC075 | Nguồn SLD SD-OCT                                                                                                         | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000              |
| 76  | VTSC076 | Bộ giao thoa SD-OCT                                                                                                      | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000              |
| 77  | VTSC077 | Gương quét 2 kênh XY Galvo bao gồm mạch điều khiển                                                                       | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000              |
| 78  | VTSC078 | Bo mạch điều khiển phân phối điện áp SD-OCT                                                                              | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000              |
| 79  | VTSC079 | Thấu kính mắt 30D SD-OCT                                                                                                 | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000              |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                   | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                              |
|-----|---------|-------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------------|
| 80  | VTSC080 | Ổ cứng SD-OCT 584 CMY17                                     | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000                                   |
| 81  | VTSC081 | Động cơ bước 0.9 độ NEMA14 17LG                             | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000                                   |
| 82  | VTSC082 | Thấu kính chính                                             | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000                                   |
| 83  | VTSC083 | Bộ phận tỷ cầm Matrix                                       | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000                                   |
| 84  | VTSC084 | Cụm motor thay thế trục Y                                   | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000                                   |
| 85  | VTSC085 | Giương quét L bao gồm mạch điều khiển                       | Cái         | 3        | Tương thích với Máy chụp OCT Cirrus 5000                                   |
| 86  | VTSC086 | Cụm cảm biến Sony                                           | Cái         | 4        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 87  | VTSC087 | Bo mạch điều khiển với bộ lấy nét IGR                       | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 88  | VTSC088 | Dây cáp camera USB                                          | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 89  | VTSC089 | Bo mạch CC-24V DC FUSE (FUS)                                | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 90  | VTSC090 | Mạch nhân diện vị trí                                       | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 91  | VTSC091 | Cáp tín hiệu cho mạch nhân diện vị trí 1                    | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 92  | VTSC092 | Bo mạch máy tính Fujitsu D3313-S3                           | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 93  | VTSC093 | Bộ nguồn cấp điện 230, chuẩn Y tế                           | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 94  | VTSC094 | Cần điều khiển cho Visucam                                  | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 95  | VTSC095 | Bộ định thị ngoài                                           | Cái         | 2        | Tương thích với Máy chụp hình màu đáy mắt Visucam 524                      |
| 96  | VTSC096 | Cụm tạo tia laser cho máy Yag III Typ II                    | Bộ          | 3        | Tương thích với Máy Laser YAG 1064 (kèm Slit lamp), Model: Visulas YAG III |
| 97  | VTSC097 | Mạch đo năng lượng Yag III                                  | Cái         | 3        | Tương thích với Máy Laser YAG 1064 (kèm Slit lamp), Model: Visulas YAG III |
| 98  | VTSC098 | Kim hút mẫu                                                 | Cái         | 4        | Tương thích máy xét nghiệm huyết học tự động                               |
| 99  | VTSC099 | Bóng đèn dùng cho máy sinh hóa tự động                      | Cái         | 10       | Tương thích máy xét nghiệm sinh hóa tự động                                |
| 100 | VTSC100 | VDP Pump cho máy sinh hóa tự động (JEL844559130PUMP)        | Cái         | 1        | Tương thích máy xét nghiệm sinh hóa tự động                                |
| 101 | VTSC101 | Cuvette cho máy sinh hóa tự động (RRVV 211 - code AX310126) | Cái         | 11       | Tương thích máy xét nghiệm sinh hóa tự động                                |
| 102 | VTSC102 | Bóng đèn 6V- 10W                                            | Cái         | 25       | Sử dụng cho Slit Lamp, dạng tim, chân cắm đế PG22                          |
| 103 | VTSC103 | Bóng đèn 12V- 30W                                           | Cái         | 25       | Dạng tim, chân cắm đế PG22                                                 |
| 104 | VTSC104 | Bóng đèn 6V-20W                                             | Cái         | 30       | Sử dụng cho Slit Lamp, dạng tim, chân cắm đế PG22                          |
| 105 | VTSC105 | Bóng đèn 12V- 100W                                          | Cái         | 50       | Sử dụng cho Kính hiển vi phẫu thuật, dạng chén                             |
| 106 | VTSC106 | Bộ nguồn phát Laser YAG 1064 nm                             | Bộ          | 3        | Tương thích với máy Laser YAG 1064 Model: UltraQ LQP3106-U                 |
| 107 | VTSC107 | Bộ nguồn phát Laser quang đồng đa điểm                      | Bộ          | 2        | Tương thích máy Laser quang đồng đa điểm Model: Integre Pro Scan LP6G      |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                    | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                |
|-----|---------|--------------------------------------------------------------|-------------|----------|--------------------------------------------------------------|
| 108 | VTSC108 | Bộ nguồn phát Laser điều trị Glaucoma                        | Bộ          | 2        | Tương thích với máy Laser điều trị Glaucoma Model: Tango     |
| 109 | VTSC109 | Motor Step máy chiếu bảng thị lực                            | Cái         | 18       | Tương thích với máy chiếu thị lực Model: CP30, CP500         |
| 110 | VTSC110 | Remote điều khiển máy chiếu thị lực CP30                     | Cái         | 18       | Tương thích với máy chiếu thị lực Model: CP30, CP500         |
| 111 | VTSC111 | Remote điều khiển máy chiếu thị lực CP500                    | Cái         | 18       | Tương thích với máy chiếu thị lực Model: CP30, CP500         |
| 112 | VTSC112 | Bóng đèn máy chiếu thị lực 12V-30W                           | Cái         | 113      | Tương thích với máy chiếu thị lực Model: CP30, CP500         |
| 113 | VTSC113 | Bộ nguồn máy chiếu bảng thị lực                              | Bộ          | 26       | Tương thích với máy chiếu thị lực Model: CP30, CP500         |
| 114 | VTSC114 | Đầu dò siêu âm B                                             | Cái         | 4        | Tương thích siêu âm B, Model: Vumax B                        |
| 115 | VTSC115 | CPU xử lý điều khiển phần mềm siêu âm                        | Cái         | 2        | Tương thích siêu âm B, Model: Vumax B                        |
| 116 | VTSC116 | Cáp đầu dò siêu âm B                                         | Cái         | 4        | Tương thích siêu âm B, Model: Vumax B                        |
| 117 | VTSC117 | Mainboard máy siêu âm                                        | Cái         | 2        | Tương thích siêu âm B, Model: Vumax B                        |
| 118 | VTSC118 | Bộ phận in nhiệt của máy in siêu âm B                        | Bộ          | 2        | Tương thích máy in siêu âm, Model: Sony UP-X898MD            |
| 119 | VTSC119 | Thân đầu dò siêu âm UBM (đa tần số)                          | Cái         | 1        | Tương thích máy siêu âm UBM, Model: Vumax HD                 |
| 120 | VTSC120 | Đầu thu tín hiệu siêu âm UBM tần số 50 Mhz                   | Cái         | 1        | Tương thích máy siêu âm UBM, Model: Vumax HD                 |
| 121 | VTSC121 | Đầu thu tín hiệu siêu âm UBM tần số 35 Mhz                   | Cái         | 1        | Tương thích máy siêu âm UBM, Model: Vumax HD                 |
| 122 | VTSC122 | CPU xử lý điều khiển phần mềm siêu âm đa tần số              | Cái         | 1        | Tương thích máy siêu âm UBM, Model: Vumax HD                 |
| 123 | VTSC123 | Cáp đầu dò siêu âm UBM                                       | Cái         | 1        | Tương thích máy siêu âm UBM, Model: Vumax HD                 |
| 124 | VTSC124 | Cúp nhựa đựng nước làm kỹ thuật UBM                          | Cái         | 4        | Tương thích máy siêu âm UBM, Model: Vumax HD                 |
| 125 | VTSC125 | Board nguồn máy chụp cắt lớp võng mạc                        | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: OCT Spectralis |
| 126 | VTSC126 | Đèn định thị ngoài                                           | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: OCT Spectralis |
| 127 | VTSC127 | Cổng kết nối module chụp ảnh và nhận biết mắt trái/phải      | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: OCT Spectralis |
| 128 | VTSC128 | Nguồn Laser của máy chụp OCT                                 | Bộ          | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: OCT Spectralis |
| 129 | VTSC129 | Bộ nguồn máy chụp hình máu đáy mắt                           | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp hình máu đáy mắt, Model: Spectralis HRA |
| 130 | VTSC130 | Bộ định thị ngoài                                            | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp hình máu đáy mắt, Model: Spectralis HRA |
| 131 | VTSC131 | Bộ nguồn điện sinh hiển vi khám mắt                          | Cái         | 16       | Tương thích sinh hiển vi khám mắt, Model: BI 900             |
| 132 | VTSC132 | Chân điện Slit lamp                                          | Cái         | 16       | Tương thích sinh hiển vi khám mắt, Model: BI 900             |
| 133 | VTSC133 | Bộ điều khiển nguồn sáng và camera cho sinh hiển vi khám mắt | Bộ          | 1        | Tương thích sinh hiển vi khám mắt, Model: BI 900             |
| 134 | VTSC134 | Camera tương thích Beam                                      | Cái         | 1        | Tương thích sinh hiển vi khám mắt, Model: BI                 |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                                       | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                                |
|-----|---------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|------------------------------------------------------------------------------|
|     |         | Splitter của sinh hiển vi khám mắt                                              |             |          | 900                                                                          |
| 135 | VTSC135 | Bộ nguồn điện máy đo nhãn áp không tiếp xúc                                     | Cái         | 9        | Tương thích máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NCT 200                    |
| 136 | VTSC136 | Màn hình máy đo nhãn áp không tiếp xúc                                          | Cái         | 9        | Tương thích máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NCT 200                    |
| 137 | VTSC137 | Module in nhiệt máy đo nhãn áp không tiếp xúc                                   | Cái         | 9        | Tương thích máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NCT 200                    |
| 138 | VTSC138 | Motor nâng hạ chân điện                                                         | Cái         | 9        | Tương thích máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NCT 200                    |
| 139 | VTSC139 | Board mạch điều khiển tín hiệu đo                                               | Cái         | 9        | Tương thích máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NCT 200                    |
| 140 | VTSC140 | Bo mạch điều khiển thiết bị đo nhãn áp tiếp xúc cầm tay                         | Cái         | 4        | Tương thích máy đo nhãn áp tiếp xúc dạng súng cầm tay, Model: IC 100, IC 200 |
| 141 | VTSC141 | Bộ cảm biến đo nhãn áp tiếp xúc cầm tay                                         | Cái         | 4        | Tương thích máy đo nhãn áp tiếp xúc dạng súng cầm tay, Model: IC 100, IC 200 |
| 142 | VTSC142 | Bóng đèn Sinh hiển vi khám mắt                                                  | Cái         | 20       | - 6V- 4.5A<br>-Tương thích sinh hiển vi khám mắt, hãng: Inami                |
| 143 | VTSC143 | Bóng đèn Sinh hiển vi khám mắt                                                  | Cái         | 20       | - 12V- 4.2A<br>-Tương thích sinh hiển vi khám mắt, hãng: Inami               |
| 144 | VTSC144 | Power supply<br>Bộ nguồn                                                        | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 145 | VTSC145 | GI-FS Y-cable 2 m<br>Cáp chữ Y dài 2m                                           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 146 | VTSC146 | GI-FS Y-cable 4 m<br>Cáp chữ Y dài 4m                                           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 147 | VTSC147 | Replacement base incl. R/L detection<br>Trộn bộ khung bao gồm định vị trái/phải | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 148 | VTSC148 | Rubber ring for joystick<br>Vòng cao su dùng cho tay di chuyển                  | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 149 | VTSC149 | R/L Sensor + R-board<br>Board và cảm biến trái/phải                             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 150 | VTSC150 | Connector-board #1<br>Board kết nối #1                                          | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 151 | VTSC151 | Connector-board #2<br>Board kết nối #2                                          | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 152 | VTSC152 | Magnet holder<br>Giá đỡ nam châm                                                | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 153 | VTSC153 | Magnet<br>Nam châm                                                              | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 154 | VTSC154 | Cable LED board<br>Cáp kết nối board đèn LED                                    | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 155 | VTSC155 | Ventilator with air cooler<br>Quạt thông gió kèm bộ làm mát                     | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 156 | VTSC156 | Step-Dir-Decoder<br>Bộ đếm bước                                                 | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |
| 157 | VTSC157 | Cable decoder board - Control board                                             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện, Model: Pentacam                 |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                                    | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                      |
|-----|---------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|--------------------------------------------------------------------|
|     |         | Cáp kết nối board decode và board điều khiển                                 |             |          |                                                                    |
| 158 | VTSC158 | Contact board<br>Board giao tiếp                                             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 159 | VTSC159 | ON/OFF switch (Including Resistor)<br>Nút công tắc On/Off                    | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 160 | VTSC160 | Cable<br>Cáp kết nối                                                         | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 161 | VTSC161 | Step-Dir-Decoder-Cable<br>Cáp kết nối bộ đếm bước                            | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 162 | VTSC162 | Front cover HR                                                               | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 163 | VTSC163 | Countersink screw M3x6                                                       | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 164 | VTSC164 | Cone bowl for HR                                                             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 165 | VTSC165 | Back cover for HR                                                            | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 166 | VTSC166 | Foot cover                                                                   | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 167 | VTSC167 | Calotte                                                                      | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 168 | VTSC168 | Ventilator cover lettered                                                    | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 169 | VTSC169 | Ventilator cover                                                             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 170 | VTSC170 | CCD DSP-Board<br>Board DSP có cảm biến CCD                                   | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 171 | VTSC171 | Distance bolt                                                                | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 172 | VTSC172 | Socket screw M2x10                                                           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 173 | VTSC173 | Light shield                                                                 | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 174 | VTSC174 | Countersink screw M3x6                                                       | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 175 | VTSC175 | Washer                                                                       | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 176 | VTSC176 | DSP-Pentacam PWR cable<br>Cáp kết nối nguồn của board DSP                    | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 177 | VTSC177 | Phần mềm ứng dụng đo độ đục giác mạc (Corneal Optical Densitometry software) | Bộ          | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc toàn diện,<br>Model: Pentacam    |
| 178 | VTSC178 | Plastic dust cover                                                           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc,<br>Model: Corvis ST |
| 179 | VTSC179 | Chin Rest Paper                                                              | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc,<br>Model: Corvis ST |
| 180 | VTSC180 | Printing paper                                                               | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc,<br>Model: Corvis ST |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                   |
|-----|---------|---------------------------|-------------|----------|-----------------------------------------------------------------|
| 181 | VTSC181 | Power supply              | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 182 | VTSC182 | Power cable EU            | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 183 | VTSC183 | Power cable US            | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 184 | VTSC184 | Power cable GB            | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 185 | VTSC185 | Power cable AU            | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 186 | VTSC186 | Display incl. Printer     | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 187 | VTSC187 | Printer                   | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 188 | VTSC188 | Axis with spring element  | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 189 | VTSC189 | Cutter for Printer        | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 190 | VTSC190 | HBT Board                 | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 191 | VTSC191 | LCD Screen                | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 192 | VTSC192 | Flat cable                | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 193 | VTSC193 | Button board              | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 194 | VTSC194 | Push button cap           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 195 | VTSC195 | Button guideway           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 196 | VTSC196 | Encoder board             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 197 | VTSC197 | Scroll knob               | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 198 | VTSC198 | Rubber for knob           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 199 | VTSC199 | Push button board         | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 200 | VTSC200 | Magnet                    | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 201 | VTSC201 | Magnet holder             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 202 | VTSC202 | Rubber ring joystick      | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 203 | VTSC203 | Chin rest                 | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 204 | VTSC204 | Chin bowl                 | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |
| 205 | VTSC205 | Joystick                  | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                         |
|-----|---------|---------------------------|-------------|----------|-----------------------------------------------------------------------|
| 206 | VTSC206 | Board basis PWR           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST       |
| 207 | VTSC207 | Head rest                 | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát cơ sinh học giác mạc, Model: Corvis ST       |
| 208 | VTSC208 | Power supply              | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 209 | VTSC209 | Highspeed cable 2 m       | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 210 | VTSC210 | Bluetooth Joystick        | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 211 | VTSC211 | Extension Y Cable         | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 212 | VTSC212 | XY-base                   | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 213 | VTSC213 | Rubber ring for joystick  | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 214 | VTSC214 | R/L-Sensor R-board        | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 215 | VTSC215 | Connector-board           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 216 | VTSC216 | Connector board           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 217 | VTSC217 | Magnet holder             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 218 | VTSC218 | Magnet                    | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 219 | VTSC219 | Cable LED board           | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 220 | VTSC220 | Reference ball            | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 221 | VTSC221 | Contact lens holder       | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 222 | VTSC222 | Clip                      | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 223 | VTSC223 | Housing right + left side | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 224 | VTSC224 | Aluminum ring             | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 225 | VTSC225 | DSP-board                 | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 226 | VTSC226 | Dark sheet                | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 227 | VTSC227 | white dust cover          | Cái         | 1        | Tương thích máy khảo sát giác mạc, Model: Keratograph 5M              |
| 228 | VTSC228 | KXL Optical Head          | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 229 | VTSC229 | KXL Monitor               | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 230 | VTSC230 | KXL Monitor Refurbished*  | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                        | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                         |
|-----|---------|--------------------------------------------------|-------------|----------|-----------------------------------------------------------------------|
| 231 | VTSC231 | PCB, Distribution                                | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 232 | VTSC232 | KXL Battery                                      | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 233 | VTSC233 | KXL Battery mua tại Việt Nam (Bình acquy EG3312) | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 234 | VTSC234 | Charger Termination ASM                          | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 235 | VTSC235 | Head Spindle Nut                                 | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 236 | VTSC236 | Wireless Remote Kit                              | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 237 | VTSC237 | Thrust Washer                                    | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 238 | VTSC238 | Tree Lok Fastener                                | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 239 | VTSC239 | Wire Bush                                        | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 240 | VTSC240 | Cable Main PCB Power to Distribution             | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 241 | VTSC241 | Head Data Lower Cable                            | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 242 | VTSC242 | REMOTE XCVR CABLE ASM                            | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 243 | VTSC243 | Cable Bundle                                     | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 244 | VTSC244 | Head Spindle Tool                                | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 245 | VTSC245 | Arm Assembly                                     | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 246 | VTSC246 | Caster, Locking                                  | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 247 | VTSC247 | KXL Base Cap (Each)                              | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 248 | VTSC248 | KXL Column Covers                                | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 249 | VTSC249 | Power Cable Assy, KXL, Continental Europe        | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 250 | VTSC250 | Power Cable Assy, KXL, United Kingdom            | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 251 | VTSC251 | KXL – Australia – Power Cable                    | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 252 | VTSC252 | KXL – Italy – Power Cable                        | Cái         | 1        | Tương thích Máy tạo liên kết giác mạc chéo, Model: Crosslinking - KXL |
| 253 | VTSC253 | Bàn Phím( Keypad) Máy Hấp Nhanh                  | Cái         | 28       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 2000                          |
| 254 | VTSC254 | Bộ Mạch Điều Khiển Máy Hấp Nhanh                 | Bộ          | 5        | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 2000                          |
| 255 | VTSC255 | Bơm Nước (Water Pump) Máy Hấp Nhanh              | Cái         | 24       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 2000                          |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                                    |
|-----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 256 | VTSC256 | Valve Solenoid Máy Hấp Nhanh                                                                     | Cái         | 22       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 2000                                     |
| 257 | VTSC257 | Đầu Dò Máy Hấp Nhanh                                                                             | Cái         | 27       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 2000                                     |
| 258 | VTSC258 | Màn Hình Hiển Thị Máy Hấp Nhanh                                                                  | Cái         | 28       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 2000                                     |
| 259 | VTSC259 | Bộ Tạo Nhiệt Máy Hấp Nhanh                                                                       | Cái         | 24       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 2000                                     |
| 260 | VTSC260 | Roăn Máy Hấp Nhanh                                                                               | Cái         | 65       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 2000                                     |
| 261 | VTSC261 | Bàn Phím( Keypad ) Máy Hấp Nhanh                                                                 | Cái         | 10       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 5000                                     |
| 262 | VTSC262 | Board Mạch Điều Khiển Máy Hấp Nhanh                                                              | Bộ          | 5        | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 5000                                     |
| 263 | VTSC263 | Bơm Nước (Water Pump) Máy Hấp Nhanh                                                              | Cái         | 7        | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 5000                                     |
| 264 | VTSC264 | Valve Solenoid Máy Hấp Nhanh                                                                     | Cái         | 8        | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 5000                                     |
| 265 | VTSC265 | Đầu Dò Máy Hấp Nhanh                                                                             | Cái         | 10       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 5000                                     |
| 266 | VTSC266 | Màn Hình Hiển Thị Máy Hấp Nhanh                                                                  | Cái         | 9        | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 5000                                     |
| 267 | VTSC267 | Bộ Tạo Nhiệt Máy Hấp Nhanh                                                                       | Cái         | 8        | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 5000                                     |
| 268 | VTSC268 | Roăn Máy Hấp Nhanh                                                                               | Bộ          | 23       | Tương thích máy hấp nhanh Model: Statim 5000                                     |
| 269 | VTSC269 | Bộ Bóng X-quang 0.6 / 1.2P18DE-85                                                                | Bộ          | 1        | Tương thích hệ thống chụp X-quang tại Bệnh viện, Model: UD 150L-30E              |
| 270 | VTSC270 | Bộ bo mạch điều khiển System L/F 30 cho hệ thống máy X-quang cao tần.                            | Bộ          | 1        | Tương thích hệ thống chụp X-quang tại Bệnh viện, Model: UD 150L-30E              |
| 271 | VTSC271 | Bộ bo mạch xử lý trung tâm Analog của máy X-quang cao tần.                                       | Bộ          | 1        | Tương thích hệ thống chụp X-quang tại Bệnh viện, Model: UD 150L-30E              |
| 272 | VTSC272 | Bộ bo mạch Inverter chuyển đổi tần số cao tần cho việc phát tia-X, máy X-quang cao tần.          | Bộ          | 1        | Tương thích hệ thống chụp X-quang tại Bệnh viện, Model: UD 150L-30E              |
| 273 | VTSC273 | Bộ bo mạch ghi nhớ toàn bộ thông số điều khiển chụp: Nex-SC PCB của hệ thống máy X-quang cao tần | Bộ          | 1        | Tương thích hệ thống chụp X-quang tại Bệnh viện, Model: UD 150L-30E              |
| 274 | VTSC274 | Bộ vật tư thùng cao thế, bảng điều khiển của hệ thống X-quang cao tần                            | Bộ          | 1        | Tương thích hệ thống chụp X-quang tại Bệnh viện, Model: UD 150L-30E              |
| 275 | VTSC275 | Bảng điều khiển                                                                                  | Bộ          | 1        | Tương thích hệ thống chụp X-quang tại Bệnh viện, Model: UD 150L-30E              |
| 276 | VTSC276 | Đèn xóa (eraser unit)                                                                            | Cái         | 1        | Tương thích hệ thống FCR fuji film, Model: Capsula XLII                          |
| 277 | VTSC277 | Bơm hút ip (pump)                                                                                | Cái         | 1        | Tương thích hệ thống FCR fuji film, Model: Capsula XLII                          |
| 278 | VTSC278 | Cúp hút ip (suction cup)                                                                         | Cái         | 1        | Tương thích hệ thống FCR fuji film, Model: Capsula XLII                          |
| 279 | VTSC279 | IP 35x43 (IP)                                                                                    | Cái         | 1        | Tương thích hệ thống FCR fuji film, Model: Capsula XLII                          |
| 280 | VTSC280 | Bộ quang (Scan optic unit)                                                                       | Bộ          | 1        | Tương thích hệ thống máy in film X-quang hãng Fuji film, Model: Frypix 4000 Plus |
| 281 | VTSC281 | Hệ điều hành (HDD)                                                                               | Cái         | 1        | Tương thích hệ thống máy in film X-quang hãng Fuji film, Model: Frypix 4000 Plus |
| 282 | VTSC282 | Bơm hút phim (electric pump)                                                                     | Cái         | 1        | Tương thích hệ thống máy in film X-quang hãng                                    |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                                       | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                                                                                                   |
|-----|---------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |         |                                                                                 |             |          | Fuji film, Model: Frypix 4000 Plus                                                                                                              |
| 283 | VTSC283 | Màn hình hiển thị (panel)                                                       | Cái         | 1        | Tương thích hệ thống máy in film X-quang hãng Fuji film, Model: Frypix 4000 Plus                                                                |
| 284 | VTSC284 | Bo mạch điều khiển quản lý thủy dịch                                            | Cái         | 2        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate                                                                                                       |
| 285 | VTSC285 | Khối quản lý thủy dịch                                                          | Cái         | 2        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate                                                                                                       |
| 286 | VTSC286 | Miếng cảm ứng MH 10.4 inch                                                      | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate                                                                                                       |
| 287 | VTSC287 | Màn hình màu LCD 10.4 Inch                                                      | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate                                                                                                       |
| 288 | VTSC288 | Dây bàn đạp máy Laureate                                                        | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate                                                                                                       |
| 289 | VTSC289 | Nguồn cấp điện liên tục Laureate                                                | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate                                                                                                       |
| 290 | VTSC290 | Board mạch đề nén                                                               | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate                                                                                                       |
| 291 | VTSC291 | Bánh quay tạo áp suất                                                           | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate                                                                                                       |
| 292 | VTSC292 | Bàn đạp máy Laureate                                                            | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Laureate<br>- Điều khiển chức năng tưới hút I/A, năng lượng phaco, tốc độ cắt dịch kính, năng lượng điện đông. |
| 293 | VTSC293 | Hệ thống van điều khiển khối Manifold cho máy mổ Phaco tương thích máy Infiniti | Cái         | 11       | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 294 | VTSC294 | Bộ điều phối khí nén cho máy mổ Phaco                                           | Bộ          | 11       | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 295 | VTSC295 | Board mạch giao tiếp Cassette của máy mổ Phaco                                  | Cái         | 15       | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 296 | VTSC296 | Bộ linh kiện điều khiển bo mạch khối Mainfold của máy mổ Infiniti               | Bộ          | 8        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 297 | VTSC297 | Board mạch điều khiển vi xử lý trung tâm của máy mổ phaco                       | Cái         | 9        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 298 | VTSC298 | Cảm biến áp suất dòng chảy                                                      | Cái         | 15       | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 299 | VTSC299 | Board mạch phân phối nguồn                                                      | Cái         | 12       | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 300 | VTSC300 | Bộ bánh xoay tạo áp suất                                                        | Cái         | 18       | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 301 | VTSC301 | Board nguồn của máy mổ Phaco                                                    | Bộ          | 12       | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 302 | VTSC302 | Board điều khiển Pedal máy mổ Phaco Infiniti                                    | Cái         | 12       | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 303 | VTSC303 | Board mạch điều khiển năng lượng Phaco                                          | Cái         | 9        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 304 | VTSC304 | Motor thanh treo truyền dịch                                                    | Cái         | 8        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 305 | VTSC305 | Bo mạch chuyển đổi DC sang AC                                                   | Cái         | 8        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 306 | VTSC306 | Màn hình màu LCB 15 Inch                                                        | Cái         | 8        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti                                                                                                       |
| 307 | VTSC307 | Bàn đạp máy mổ Infiniti                                                         | Cái         | 8        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Infiniti<br>- Điều khiển chức năng tưới hút I/A, năng lượng phaco, tốc độ cắt dịch kính, năng lượng điện đông. |
| 308 | VTSC308 | Bộ đèn Xenon                                                                    | Cái         | 2        | Tương thích máy mổ dịch kính võng mạc, Model: Constellation                                                                                     |
| 309 | VTSC309 | Bánh quay tạo áp suất                                                           | Cái         | 2        | Tương thích máy mổ dịch kính võng mạc, Model: Constellation                                                                                     |
| 310 | VTSC310 | Bo mạch quản lý truyền thủy dịch RHS                                            | Cái         | 2        | Tương thích máy mổ dịch kính võng mạc, Model: Constellation                                                                                     |
| 311 | VTSC311 | Bo mạch 5 van xanh ROHS                                                         | Cái         | 2        | Tương thích máy mổ dịch kính võng mạc, Model: Constellation                                                                                     |
| 312 | VTSC312 | Cáp bàn đạp máy mổ dịch kính                                                    | Cái         | 2        | Tương thích máy mổ dịch kính võng mạc, Model:                                                                                                   |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                     | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                                                                                     |
|-----|---------|---------------------------------------------------------------|-------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |         | võng mạc                                                      |             |          | Constellation                                                                                                                     |
| 313 | VTSC313 | Bánh quay tạo áp suất                                         | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Centrurion                                                                                       |
| 314 | VTSC314 | Ấn ten bàn đạp không dây                                      | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Centrurion                                                                                       |
| 315 | VTSC315 | Đầu đọc nhận diện BSS                                         | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Centrurion                                                                                       |
| 316 | VTSC316 | Cảm biến áp suất bạch dịch truyền                             | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Centrurion                                                                                       |
| 317 | VTSC317 | Bàn đạp không dây                                             | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Centrurion                                                                                       |
| 318 | VTSC318 | Khối xử lý trung tâm                                          | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Centrurion                                                                                       |
| 319 | VTSC319 | Màn hình LCD 19 inch                                          | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Centrurion                                                                                       |
| 320 | VTSC320 | Bộ nguồn                                                      | Cái         | 3        | Tương thích máy mổ phaco, Model: Centrurion                                                                                       |
| 321 | VTSC321 | Tay cầm Phaco Centurion                                       | Cái         | 6        | - Tay cầm phaco tích hợp chức năng tưới, hút, nhũ tương.<br>- Tần số cộng hưởng: $43.5 \pm 3.0$ Khz                               |
| 322 | VTSC322 | Tay cầm phaco Ozil                                            | Cái         | 17       | - Tay cầm phaco tích hợp chức năng tưới, hút, nhũ tương.<br>- Tần số đọc: $44.0 \pm 2.0$ Khz<br>- Tần số xoắn: $32.0 \pm 2.0$ Khz |
| 323 | VTSC323 | Tay cầm phaco Active Sentry                                   | Cái         | 2        | - Tay cầm phaco có cảm biến áp lực thủy dịch, tích hợp chức năng tưới, hút, nhũ tương.<br>- Tần số cộng hưởng: $43.5 \pm 3.0$ Khz |
| 324 | VTSC324 | Bộ cáp điện tim                                               | Bộ          | 11       | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân, Model: BSM-3562, Hãng sx: Nihon Kohden                                                |
| 325 | VTSC325 | Board nguồn của máy monitor                                   | Cái         | 11       | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân, Model: BSM-3562, Hãng sx: Nihon Kohden                                                |
| 326 | VTSC326 | Bộ cáp nối và bao đo huyết áp (Bao đo dùng cho Nhi)           | Bộ          | 33       | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân tại Bệnh viện                                                                          |
| 327 | VTSC327 | Bộ cáp nối và bao đo huyết áp (Bao đo dùng cho Người lớn)     | Bộ          | 33       | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân tại Bệnh viện                                                                          |
| 328 | VTSC328 | Bo mạch đo SpO2                                               | Bộ          | 8        | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân, Model: BSM-3562, Hãng sx: Nihon Kohden                                                |
| 329 | VTSC329 | Bo mạch nguồn AC/DC của máy Monitor theo dõi bệnh nhân        | Cái         | 8        | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân, Model: BSM-3562, Hãng sx: Nihon Kohden                                                |
| 330 | VTSC330 | Bơm huyết áp                                                  | Cái         | 17       | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân, Model: BSM-3562, Hãng sx: Nihon Kohden                                                |
| 331 | VTSC331 | Bo mạch huyết áp của máy monitor theo dõi bệnh nhân           | Cái         | 8        | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân, Model: BSM-3562, Hãng sx: Nihon Kohden                                                |
| 332 | VTSC332 | Màn hình hiển thị các thông số của Monitor theo dõi bệnh nhân | Cái         | 8        | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân, Model: BSM-3562, Hãng sx: Nihon Kohden                                                |
| 333 | VTSC333 | Bộ dây cáp đo SpO2 (bao gồm cáp nối Monitor và Sensor SpO2)   | Bộ          | 17       | Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân tại Bệnh viện                                                                          |
| 334 | VTSC334 | Roăn cửa                                                      | Cái         | 5        | Tương thích với máy hấp tiết trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM                                                                    |
| 335 | VTSC335 | Thanh điện trở nhiệt nồi đun                                  | Bộ          | 2        | Tương thích với máy hấp tiết trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM                                                                    |
| 336 | VTSC336 | Van điều khiển bằng khí nén                                   | Cái         | 9        | Tương thích với máy hấp tiết trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM                                                                    |
| 337 | VTSC337 | Van điều khiển bằng điện                                      | Bộ          | 9        | Tương thích với máy hấp tiết trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM                                                                    |
| 338 | VTSC338 | Van một chiều                                                 | Cái         | 3        | Tương thích với máy hấp tiết trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM                                                                    |
| 339 | VTSC339 | Dụng cụ nén khí không dầu                                     | Cái         | 3        | Tương thích với máy hấp tiết trùng - nồi ngang lớn,                                                                               |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                          | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                        |
|-----|---------|----------------------------------------------------|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------|
|     |         |                                                    |             |          | Model: MMM                                                           |
| 340 | VTSC340 | Máy in thông tin                                   | Cái         | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM       |
| 341 | VTSC341 | Công tắc hành trình cửa                            | Cái         | 6        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM       |
| 342 | VTSC342 | Hệ thống bơm nước cung cấp cho nồi hấp tiệt trùng  | Cái         | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM       |
| 343 | VTSC343 | Hệ thống bơm hút chân không cho nồi hấp tiệt trùng | Cái         | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: MMM       |
| 344 | VTSC344 | Pin lưu điện máy điện tim                          | Bộ          | 6        | Tương thích với máy đo điện tim, Model: ECG-1250K                    |
| 345 | VTSC345 | Bộ dây đo ECG (dây, kẹp, bo)                       | Bộ          | 8        | Tương thích với máy đo điện tim, Model: ECG-1250K                    |
| 346 | VTSC346 | Module in nhiệt máy đo điện tim                    | Cái         | 5        | Tương thích với máy đo điện tim, Model: ECG-1250K                    |
| 347 | VTSC347 | Roăn cửa                                           | Cái         | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: Yangtamin |
| 348 | VTSC348 | Thanh điện trở nhiệt                               | Thanh       | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: Yangtamin |
| 349 | VTSC349 | Bộ trục điều khiển cửa nồi hấp                     | Bộ          | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: Yangtamin |
| 350 | VTSC350 | Đồng hồ hiển thị áp suất                           | Cái         | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: Yangtamin |
| 351 | VTSC351 | Đồng hồ hiển thị nhiệt độ                          | Cái         | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: Yangtamin |
| 352 | VTSC352 | Đồng hồ đếm thời gian (Timer)                      | Cái         | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: Yangtamin |
| 353 | VTSC353 | Van xả an toàn                                     | Cái         | 2        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng - nồi ngang lớn, Model: Yangtamin |
| 354 | VTSC354 | Roăn cửa                                           | Cái         | 5        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng nồi ngang để bàn, Model: SA-300H  |
| 355 | VTSC355 | Thanh điện trở nhiệt                               | Thanh       | 5        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng nồi ngang để bàn, Model: SA-300H  |
| 356 | VTSC356 | Đồng hồ hiển thị áp suất                           | Cái         | 5        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng nồi ngang để bàn, Model: SA-300H  |
| 357 | VTSC357 | Đồng hồ hiển thị nhiệt độ                          | Cái         | 5        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng nồi ngang để bàn, Model: SA-300H  |
| 358 | VTSC358 | Đồng hồ đếm thời gian (Timer)                      | Cái         | 8        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng nồi ngang để bàn, Model: SA-300H  |
| 359 | VTSC359 | Van xả an toàn                                     | Cái         | 5        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng nồi ngang để bàn, Model: SA-300H  |
| 360 | VTSC360 | Van điện từ máy hấp                                | Cái         | 5        | Tương thích với máy hấp tiệt trùng nồi ngang để bàn, Model: SA-300H  |
| 361 | VTSC361 | Đầu dò cho máy áp lạnh                             | Cái         | 2        | Tương thích với máy áp lạnh, Model: CE-2000                          |
| 362 | VTSC362 | Bộ nguồn điện máy đo nhãn áp không tiếp xúc        | Cái         | 7        | Tương thích với máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NT-530         |
| 363 | VTSC363 | Màn hình máy đo nhãn áp không tiếp xúc             | Cái         | 7        | Tương thích với máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NT-530         |
| 364 | VTSC364 | Module in nhiệt máy đo nhãn áp không tiếp xúc      | Cái         | 7        | Tương thích với máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NT-530         |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                       | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------|-------------|----------|--------------------------------------------------------------|
| 365 | VTSC365 | Board mạch điều khiển tín hiệu đo máy đo nhãn áp không tiếp xúc | Cái         | 7        | Tương thích với máy đo nhãn áp không tiếp xúc, Model: NT-530 |
| 366 | VTSC366 | Bộ nguồn máy đo khúc xạ tự động                                 | Cái         | 4        | Tương thích máy đo khúc xạ tự động, Model: AR-1              |
| 367 | VTSC367 | Module máy in kết quả máy đo khúc xạ tự động                    | Cái         | 4        | Tương thích máy đo khúc xạ tự động, Model: AR-1              |
| 368 | VTSC368 | Dây cáp camera                                                  | Cái         | 4        | Tương thích máy đo khúc xạ tự động, Model: AR-1              |
| 369 | VTSC369 | Tay cầm điều khiển dùng cho máy đo khúc xạ                      | Cái         | 4        | Tương thích máy đo khúc xạ tự động, Model: AR-1              |
| 370 | VTSC370 | Camera đo dùng cho máy đo khúc xạ                               | Cái         | 4        | Tương thích máy đo khúc xạ tự động, Model: AR-1              |
| 371 | VTSC371 | Bộ mạch điều khiển nâng tựa cầm cho máy đo khúc xạ              | Cái         | 4        | Tương thích máy đo khúc xạ tự động, Model: AR-1              |
| 372 | VTSC372 | Board mạch bàn phím máy mài kính                                | Cái         | 8        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 373 | VTSC373 | Feeler quét tròn kính bên trái                                  | Cái         | 22       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 374 | VTSC374 | Feeler quét tròn kính bên phải                                  | Cái         | 22       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 375 | VTSC375 | Thanh giữ quét tròn kính                                        | Cái         | 8        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000                     |
| 376 | VTSC376 | Thanh quét gong kính                                            | Cái         | 15       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000                     |
| 377 | VTSC377 | Đá mài thô tròn nhựa                                            | Cái         | 15       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 378 | VTSC378 | Mô tơ quay đá mài mài tròn kính                                 | Cái         | 6        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 379 | VTSC379 | Bộ điều khiển mô tơ quay đá dùng cho máy mài kính               | Cái         | 6        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 380 | VTSC380 | Mô tơ bước máy mài tròn kính                                    | Cái         | 8        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 381 | VTSC381 | Màn hình máy mài kính                                           | Cái         | 8        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 382 | VTSC382 | Bộ nguồn máy mài kính                                           | Cái         | 8        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 383 | VTSC383 | Bộ quét tròn và gong kính                                       | Cái         | 6        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000                     |
| 384 | VTSC384 | Cảm biến vị trí máy mài                                         | Cái         | 15       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 385 | VTSC385 | Thanh trượt chuyển động cho bộ quét mẫu gong kính               | Cái         | 15       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000                     |
| 386 | VTSC386 | Thanh trượt dùng cho máy mài tròn kính (bộ quét tròn)           | Cái         | 8        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 387 | VTSC387 | Motor DC cho bộ quét tròn kính                                  | Cái         | 5        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |
| 388 | VTSC388 | Bộ quét tròn kính mẫu                                           | Cái         | 3        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000                     |
| 389 | VTSC389 | Bộ quét tròn kính mẫu                                           | Cái         | 3        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1200                     |
| 390 | VTSC390 | Nút chặn thanh quét mẫu tròn kính                               | Cái         | 15       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000                     |
| 391 | VTSC391 | Nút kẹp gong kính                                               | Cái         | 45       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200            |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                                       | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                                                     |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 392 | VTSC392 | Bánh răng nâng bộ quét tròng kính                               | Cái         | 6        | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000                                                          |
| 393 | VTSC393 | Miếng dán tròng kính bằng cao su (xanh, đỏ)                     | Cái         | 15       | Tương thích máy mài kính, Model: LE-1000; LE-1200                                                 |
| 394 | VTSC394 | Bóng đèn XHL 2.5 V<br>Mã hàng: X-001.88.087                     | Cái         | 20       | Tương thích đèn đèn soi bóng đồng tử của Bệnh viện                                                |
| 395 | VTSC395 | Bóng đèn cực tím                                                | Cái         | 100      | Công suất 30W, bước sóng ngắn với cực đại ở mức 253.7nm (UVC), tuổi thọ $\geq 9000$ giờ, dài 90cm |
| 396 | VTSC396 | Màn hình y tế cho máy nội soi                                   | Cái         | 1        | Kích thước: $\geq 19$ Inch;<br>Tương thích với Bộ xử lý hình ảnh có giao tiếp cổng RGB, S-Video   |
| 397 | VTSC397 | Bo mạch xử lý tín hiệu siêu âm B                                | Cái         | 1        | Tương thích siêu âm B, Model: Vumax B                                                             |
| 398 | VTSC398 | Bo mạch xử lý tín hiệu siêu âm UBM                              | Cái         | 1        | Tương thích máy siêu âm UBM, Model: Vumax U                                                       |
| 399 | VTSC399 | Bo mạch T-Gate nhận tín hiệu hình ảnh OCT máy Spectralis        | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: Spectralis OCT                                      |
| 400 | VTSC400 | Dây cáp tín hiệu Optical Thunderbolt sử dụng cho máy Spectralis | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: Spectralis OCT                                      |
| 401 | VTSC401 | Tản nhiệt cho dây cáp và bo mạch nhận tín hiệu                  | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: Spectralis OCT                                      |
| 402 | VTSC402 | Bo mạch nguồn                                                   | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: Spectralis OCT                                      |
| 403 | VTSC403 | Card Thunderbolt dùng cho máy tính HP Workstation               | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp cắt lớp võng mạc, Model: Spectralis OCT                                      |
| 404 | VTSC404 | Bo mạch T-Gate nhận tín hiệu hình ảnh OCT máy Spectralis        | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp hình máu đáy mắt, Model: Spectralis HRA                                      |
| 405 | VTSC405 | Dây cáp tín hiệu Optical Thunderbolt sử dụng cho máy Spectralis | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp hình máu đáy mắt, Model: Spectralis HRA                                      |
| 406 | VTSC406 | Tản nhiệt cho dây cáp và bo mạch nhận tín hiệu                  | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp hình máu đáy mắt, Model: Spectralis HRA                                      |
| 407 | VTSC407 | Màn hình điều khiển LCD                                         | Cái         | 1        | Tương thích máy chụp hình máu đáy mắt, Model: Spectralis HRA                                      |
| 408 | VTSC408 | Bóng đèn dùng cho kính hiển vi phẫu thuật                       | Cái         | 10       | Tương thích với kính hiển vi phẫu thuật, Model: M822-F20, hãng sx: Leica                          |
| 409 | VTSC409 | Cảm biến đo dòng khí (Flow Sensor)                              | Cái         | 4        | Tương thích với máy gây mê kèm giúp thở, Model: Frontline Sirius 200, Hãng sx: Blease 8700        |
| 410 | VTSC410 | Cảm biến đo nồng độ Oxy (Oxy Sensor)                            | Cái         | 4        | Tương thích với máy gây mê kèm giúp thở, Model: Frontline Sirius 200, Hãng sx: Blease 8700        |
| 411 | VTSC411 | Cảm biến đo dòng khí (Flow Sensor)                              | Cái         | 4        | Tương thích với máy gây mê kèm giúp thở, Model: AESTIVA /5 +7900, Hãng sx: Datex Ohmeda           |
| 412 | VTSC412 | Cảm biến đo nồng độ Oxy (Oxy Sensor)                            | Cái         | 4        | Tương thích với máy gây mê kèm giúp thở, Model: AESTIVA /5 +7900, Hãng sx: Datex Ohmeda           |
| 413 | VTSC413 | Cảm biến đo dòng khí (Flow Sensor)                              | Cái         | 4        | Tương thích với máy gây mê kèm giúp thở, Model: Carestation 620, Hãng sx: Datex Ohmeda            |
| 414 | VTSC414 | Cảm biến đo nồng độ Oxy (Oxy Sensor)                            | Cái         | 4        | Tương thích với máy gây mê kèm giúp thở, Model: Carestation 620, Hãng sx: Datex Ohmeda            |
| 415 | VTSC415 | Cảm biến đo dòng khí (Flow Sensor)                              | Cái         | 4        | Tương thích với máy gây mê kèm giúp thở, Model: Flow-c, Hãng sx: Maquet                           |



| Stt | Mã VTSC | Chủng loại / Tên thiết bị                          | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|---------|----------------------------------------------------|-------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 416 | VTSC416 | Cảm biến đo nồng độ Oxy (Oxy Sensor)               | Cái         | 4        | Tương thích với máy gây mê kèm giúp thở, Model: Flow-c, Hãng sx: Maquet                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 417 | VTSC417 | Pin lưu điện máy phá rung tim                      | Cái         | 2        | Tương thích với máy phá rung tim, Model: M2, Hãng sx: Zoll Medical                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 418 | VTSC418 | Bảng điện cực đánh sốc                             | Cái         | 2        | Tương thích với máy phá rung tim, Model: M2, Hãng sx: Zoll Medical                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 419 | VTSC419 | Màn hình hiển thị máy phá rung tim                 | Cái         | 1        | Tương thích với máy phá rung tim, Model: M2, Hãng sx: Zoll Medical                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 420 | VTSC420 | Bo mạch nguồn máy phá rung tim                     | Cái         | 1        | Tương thích với máy phá rung tim, Model: M2, Hãng sx: Zoll Medical                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 421 | VTSC421 | Bo mạch xử lý tín hiệu trung tâm máy phá rung tim  | Cái         | 1        | Tương thích với máy phá rung tim, Model: M2, Hãng sx: Zoll Medical                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 422 | VTSC422 | Bo mạch nguồn công suất của máy cắt đốt phẫu thuật | Cái         | 4        | Tương thích với máy cắt đốt phẫu thuật, Model: ME-102, Hãng sx: KLS Martin                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 423 | VTSC423 | Bo mạch điều khiển của máy cắt đốt phẫu thuật      | Cái         | 4        | Tương thích với máy cắt đốt phẫu thuật, Model: ME-102, Hãng sx: KLS Martin                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 424 | VTSC424 | Tay dao đốt điện loại sử dụng nhiều lần            | Cái         | 10       | - Tay dao đốt điện đơn cực loại 02 nút nhấn: cắt , đốt, Chiều dài cáp nối: 04 m,<br>- Kích thước vị trí kết nối điện cực đốt với tay dao đốt: loại lục giác, đường kính: Ø 04 mm<br>- Kích thước vị trí kết nối cáp của tay dao đốt với máy cắt đốt: Ø 12.5 mm<br>- Tương thích với máy cắt đốt phẫu thuật, Model: ME-102, Hãng sx: KLS Martin |
| 425 | VTSC425 | Bo mạch nguồn của máy quay ly tâm                  | Cái         | 4        | Tương thích với máy quay ly tâm, Model: Rotofix 32, Hãng sx: Hettich                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 426 | VTSC426 | Màn hình hiển thị của máy quay ly tâm              | Cái         | 4        | Tương thích với máy quay ly tâm, Model: Rotofix 32, Hãng sx: Hettich                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 427 | VTSC427 | Bàn phím điều khiển của máy quay ly tâm            | Cái         | 4        | Tương thích với máy quay ly tâm, Model: Rotofix 32, Hãng sx: Hettich                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 428 | VTSC428 | Mô tơ của máy quay ly tâm                          | Cái         | 4        | Tương thích với máy quay ly tâm, Model: Rotofix 32, Hãng sx: Hettich                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 429 | VTSC429 | Điện trở đốt của tủ ấm 37 độ                       | Bộ          | 2        | Tương thích với tủ ấm 37 độ, Model: INE 600 Hãng sx: Memmert                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 430 | VTSC430 | Bộ định thời gian điều khiển của tủ ấm 37 độ       | Bộ          | 2        | Tương thích với tủ ấm 37 độ, Model: INE 600 Hãng sx: Memmert                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 431 | VTSC431 | Bóng đèn sử dụng cho đèn mổ di động                | Cái         | 150      | Thông số: 24V-25W<br>Bóng trắng thủy ½ bóng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 432 | VTSC432 | Bộ nút tiết trùng tay cầm kính hiển vi phẫu thuật  | Bộ          | 10       | Tương thích kính hiển vi phẫu thuật, Model: Visu 140, Hãng sx: Carl Zeiss                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 433 | VTSC433 | Bộ nút tiết trùng tay cầm kính hiển vi phẫu thuật  | Bộ          | 5        | Tương thích kính hiển vi phẫu thuật, Model: Lumera 700, Hãng sx: Carl Zeiss                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 434 | VTSC434 | Bộ nút tiết trùng tay cầm kính hiển vi phẫu thuật  | Bộ          | 10       | Tương thích kính hiển vi phẫu thuật, Model: Visu 160, Lumera i, Hãng sx: Carl Zeiss                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 435 | VTSC435 | Các Vật tư sửa chữa khác                           |             |          | Tương thích với các trang thiết bị y tế đã nêu trên hoặc các trang thiết bị y tế khác thuộc sở hữu của Bệnh viện Mắt.                                                                                                                                                                                                                          |
|     |         | <b>Tổng: 435 mục</b>                               |             |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |



2. Các thông tin khác: gửi File Báo giá và các tài liệu khác (nếu có) qua đường link: <https://forms.gle/GNBhk7yrudB7hmWS8> hoặc Mã QR code (xem cuối văn bản):
- Đối với Báo giá (Biểu mẫu 1): định dạng file **EXCEL** (.xls, .xlsx)
  - Đối với các tài liệu khác: định dạng file dạng **PDF**
  - Link Tham khảo danh mục:  
<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1hJr3JGD57u5WqT3YbuwAtsuHaZsSB7cOBl62NKhkYDE/edit?usp=sharing>
3. Lưu ý: Trong tài liệu của quý công ty vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - KHÔNG xóa, KHÔNG thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (biểu mẫu 1). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hợp đồng hoặc quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT; VTTBYT (TMK)





(điền Header của Công ty)  
BÁO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm VTSC, thay thế linh phụ kiện TTBYT năm 2024 của Bệnh viện Mắt

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho các VTSC, thay thế linh phụ kiện TTBYT như sau:

1. Danh mục:

| Stt | Chủng loại /<br>Tên thiết bị | Tên<br>thương<br>mại | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn giá<br>+ VAT<br>(VND) | Chi phí cho<br>các dịch vụ<br>liên quan<br>(VND) | Thuế, phí, lệ<br>phí (nếu có)<br>(VND) | Thành tiền<br>(VND) | Tên Công<br>ty/ Nhà<br>cung cấp | Mã định<br>danh (vn...) |
|-----|------------------------------|----------------------|----------------|-------------|---------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|---------------------------------|-------------------------|
|     | (1)                          |                      | (2)            | (3)         | A                         | A1                                               | A2                                     | $B = A \times (3)$  |                                 |                         |
| 1   |                              |                      |                |             |                           |                                                  |                                        |                     |                                 |                         |
| 2   |                              |                      |                |             |                           |                                                  |                                        |                     |                                 |                         |
| 3   |                              |                      |                |             |                           |                                                  |                                        |                     |                                 |                         |

(1), (2), (3): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan - nếu có)

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Tài liệu của các dụng cụ phẫu thuật nêu trong phía trên là không vi phạm vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.
- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực.



Mã QR code

....., ngày .... tháng .... năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))